

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Tháng 8 năm 2016

Nguyễn Đức Mậu

NỘI DUNG TRÌNH BÀY

- ▶ Phần I: Những vấn đề cơ bản của thị trường tiền tệ
- ▶ Phần II: Quá trình phát triển của thị trường từ 2008 đến nay

Những vấn đề cơ bản của thị trường tiền tệ

- ▶ Khái niệm
- ▶ Chức năng
- ▶ Thành viên thị trường
- ▶ Công cụ

Thị trường tiền tệ - Khái niệm

- ▶ Thị trường tiền tệ là nơi giao dịch ngắn hạn về vốn
- ▶ Giao dịch ngắn hạn là giao dịch các giấy tờ có giá với kỳ hạn dưới 12 tháng
- ▶ Giấy tờ có giá là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác.
- ▶ (Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Thị trường tiền tệ - Chức năng

- ▶ “Kênh” để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.
- ▶ Chuyển vốn tạm thời nhàn rỗi đến nơi thiếu vốn
- ▶ Kinh doanh vốn ngắn hạn

Thị trường tiền tệ - Các thị trường

- ▶ Các giấy tờ có giá ngắn hạn
 - ▶ Tín phiếu kho bạc
 - ▶ Tín phiếu ngân hàng nhà nước
 - ▶ Chứng chỉ tiền gửi (CDs)
 - ▶ Kỳ phiếu ngân hàng
 - ▶ Hợp đồng mua lại (Repos)
- ▶ Giao dịch liên ngân hàng: Giao dịch giữa các Ngân hàng thương mại
 - ▶ MM: Giao dịch VND, USD
 - ▶ FX: Giao dịch ngoại hối: giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi
- ▶ Giao dịch giữa Ngân hàng Nhà nước và Tổ chức tín dụng
 - ▶ Thị trường mở (OMO)
 - ▶ Mua/Bán trái phiếu, giấy tờ có giá của TCTD
 - ▶ Bán Tín phiếu ngân hàng nhà nước
 - ▶ Các giao dịch khác: Tái chiết khấu, tái cấp vốn, hoán đổi tiền tệ

Thị trường tiền tệ - Thành viên

- ▶ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- ▶ Chính phủ, chính quyền địa phương
- ▶ Tổ chức tín dụng (TCTD)
 - ▶ Ngân hàng thương mại (NHTM)
 - ▶ Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính
- ▶ Nhà đầu tư tổ chức
 - ▶ Công ty chứng khoán
 - ▶ Công ty quản lý quỹ
 - ▶ Khác
- ▶ Nhà đầu tư các nhân

Thị trường tiền tệ - Công cụ

- ▶ Trái phiếu chính phủ
- ▶ Tín phiếu kho bạc
- ▶ Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước (NHNN)
- ▶ Giao dịch liên ngân hàng
 - ▶ Hợp đồng vay/cho vay, hợp đồng nhận/gửi tiền
 - ▶ Hợp đồng ngoại hối: giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi (swap)
- ▶ Hợp đồng mua lại (Repos)
- ▶ Các công cụ của NHNN
- ▶ Các loại giấy tờ có giá ngắn hạn

Thị trường giấy tờ có giá

▶ Tín phiếu kho bạc

▶ Thị trường sơ cấp

- ▶ Lãi suất, số lượng phát hành do Bộ Tài chính, Tổng Giám đốc Kho bạc quyết định
- ▶ Kỳ hạn: 364, 273, 182 và 91 ngày...
- ▶ Lưu ký: tại NHNN

▶ Thị trường thứ cấp

- ▶ NHTM mua Tín phiếu Kho bạc để giữ tới khi đáo hạn, hoặc kinh doanh.
- ▶ Tín phiếu Kho bạc còn được các NH sử dụng để giam gia Thị trường mở, đảm bảo quy định của NHNN

Thị trường giấy tờ có giá

▶ Tín phiếu NHNN

- ▶ Lãi suất: do NHNN quyết định phù hợp với mục tiêu thực hiện chính sách tiền tệ
- ▶ Kỳ hạn: 7, 14, 35, 42, 91, 182, 273 hoặc 364 ngày.
- ▶ Thành phần tham gia: TCTD
- ▶ Lãi suất: do NHNN công bố phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ quốc gia
- ▶ Hình thức tham gia:
 - ▶ Điều kiện thông thường: tự nguyện
 - ▶ Khi NHNN thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt: bắt buộc

Thị trường giấy tờ có giá

- ▶ Giấy tờ có giá: Chứng chỉ tiền gửi (CDs), kỳ phiếu
 - ▶ Bản chất: là công cụ nợ không có đảm bảo được phát hành bởi các TCTD
 - ▶ Điều kiện được phát hành
 - ▶ Kết quả kinh doanh
 - ▶ Phương án sử dụng vốn
 - ▶ Kỳ hạn
 - ▶ Ngân hàng
 - ▶ Dưới 1 năm: báo cáo
 - ▶ Trên 1 năm: phải xin phép NHNN
 - ▶ TCTD phi ngân hàng: GTCG có kỳ hạn trên 1 năm
 - ▶ Giao dịch thứ cấp: nhằm mục đích?

Thị trường giấy tờ có giá

▶ Hợp đồng mua lại

- ▶ Thành phần tham gia: NHNN, TCTD, Công ty chứng khoán, nhà đầu tư...
- ▶ Bản chất: là khoản cho vay ngắn hạn, lãi suất thấp có đảm bảo bằng các GTCG
- ▶ Thực tế:
 - ▶ NHNN – TCTD: thị trường mở
 - ▶ TCTD với nhau: ít thực hiện, nếu có thường dưới hình thức cho vay có đảm bảo bằng cầm cố GTCG (thường là TPCP)
 - ▶ TCTD – Công ty CK, Cty quản lý quỹ: hàng hóa trong giao dịch thường là trái phiếu CP, trái phiếu NHPT
 - ▶ Công ty CK – Nhà đầu tư:
 - ▶ Chứng khoán
 - ▶ Thời hạn: thường là ngắn hạn, không quá 6 tháng
 - ▶ Lãi suất

Thị trường liên ngân hàng

- ▶ Thành phần tham gia: tổ chức tín dụng, chủ yếu là các ngân hàng thương mại
- ▶ Mục đích:
 - ▶ Đảm bảo dự trữ bắt buộc
 - ▶ Đáp ứng nhu cầu thanh toán của khách hàng
 - ▶ Chuyển tiền
 - ▶ Rút tiền mặt
 - ▶ Giải ngân
 - ▶ Thực hiện nghĩa vụ thanh toán
 - ▶ Kinh doanh vốn tạm thời nhàn rỗi

Thị trường liên ngân hàng

- ▶ Cơ sở hình thành giao dịch
 - ▶ Hạn mức giao dịch được cấp
 - ▶ Căn cứ vào xếp hạng nội bộ
 - ▶ Tùy thuộc vào lịch sử giao dịch
 - ▶ Tính cam kết: hầu hết là hạn mức không cam kết
 - ▶ Tài sản đảm bảo: thường là giao dịch tín chấp, không có tài sản đảm bảo
 - ▶ Giao dịch thực hiện qua thỏa thuận
 - ▶ Giao dịch phi tập trung - OTC

Thị trường liên ngân hàng

- ▶ Giá cả
 - ▶ Thỏa thuận: tùy thuộc vào cung cầu thị trường mỗi thời điểm, trạng thái vốn, nhu cầu vốn (kỳ hạn loại tiền tệ, kỳ vọng lãi suất) của mỗi bên
 - ▶ Tùy thuộc vào kỳ hạn: thông thường ngắn hạn thấp hơn dài hạn
 - ▶ Giá buổi sang khác giá buổi chiều
- ▶ Kỳ hạn
 - ▶ Tiền gửi: O/N, 1W, 2W, 1M, 2M, 3M
 - ▶ Cho vay: trên 3M
- ▶ Phương thức giao dịch
 - ▶ Điện thoại, fax hợp đồng....
 - ▶ Xác nhận giao dịch qua Reuters dealing

Thị trường liên ngân hàng

GIAO DỊCH LIÊN NGÂN HÀNG QUA ĐÊM (VND)

	2008	2009	2010
Trung bình	12.66%	7.85%	7.82%
Độ lệch chuẩn	5.77%	1.85%	1.56%
Lớn nhất	33.0%	12.0%	12.0%
Nhỏ nhất	3.5%	4.6%	6.0%
Khoảng cách biệt	29.5%	7.4%	6.0%

Nguồn: Tác giả tổng hợp
Nguyễn Đức Mậu

8/15/2016

16

Thị trường liên ngân hàng

GIAO DỊCH LIÊN NGÂN HÀNG QUA ĐÊM (USD)

	2008	2009	2010
Trung bình	3.93%	0.69%	0.33%
Độ lệch chuẩn	1.47%	0.30%	0.17%
Lớn nhất	7.0%	1.5%	1.0%
Nhỏ nhất	0.5%	0.2%	0.14%
Khoảng cách biệt	6.5%	1.3%	0.86%

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Ngân hàng Nhà nước

Tổ chức tín dụng

- ▶ Công cụ của chính sách tiền tệ của NHNN
 - ▶ Lãi suất tái cấp vốn (Refinance rate)
 - ▶ Lãi suất chiết khấu hay tái chiết khấu (Discount rate)
 - ▶ Thị trường mở (Open Market Operations)
 - ▶ Dự trữ bắt buộc (Compulsory Reserve Requirement)
 - ▶ Lãi suất cơ bản (Base rate)
 - ▶ Khác:
 - ▶ Hành chính: trần lãi suất, tỷ lệ tăng trưởng tín dụng
 - ▶ Thực hiện giao dịch ngoại hối với TCTD: giao dịch hoán đổi
 - ▶ Tác động thông qua SOBs?

Ngân hàng Nhà nước

Tổ chức tín dụng

- ▶ NHNN thực hiện tái chiết khấu, tái cấp vốn cho các TCTD
 - ▶ Chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá
 - ▶ Hàng quý NHNN cấp hạn mức cho TCTD căn cứ vào: Vốn điều lệ, dư nợ cho vay nền kinh tế, dư nợ cho vay lĩnh vực nông nghiệp, mục tiêu của chính sách tiền tệ quốc gia, kế hoạch cung tiền
 - ▶ Kỳ hạn: không quá 91 ngày
 - ▶ Lãi suất: lãi suất tái chiết khấu do NHNN công bố
 - ▶ Hình thức: chiết khấu kỳ hạn còn lại hoặc chiết khấu có kỳ hạn
 - ▶ Thực tế: hạn mức cấp thường nhỏ, từ giữa năm 2008: ít giao dịch

Ngân hàng Nhà nước

Tổ chức tín dụng

- ▶ NHNN thực hiện tái chiết khấu, tái cấp vốn cho các TCTD
 - ▶ Tái cấp vốn cho TCTD
 - ▶ Cho vay thấu chi qua đêm trong hoạt động thanh toán điện tử: TCTD sử dụng GTCG (đã lưu ký ở NHNN) để đảm bảo cho khoản vay
 - ▶ Cho vay có đảm bảo bằng cầm cố chứng từ có giá
 - ▶ Lãi suất thường cao hơn lãi suất trên thị trường mở
 - ▶ Kỳ hạn cho vay dài hơn kỳ hạn trên thị trường mở
 - ▶ Thực hiện:
 - ▶ Chức năng: người cho vay cuối cùng
 - ▶ Hỗ trợ cho SOBs

Ngân hàng Nhà nước

Tổ chức tín dụng

- ▶ NHNN thực hiện chính sách tiền tệ thông qua giao dịch thị trường mở
 - ▶ Thành viên tham gia: NHNN, TCTD
 - ▶ Điều kiện tham gia
 - ▶ Là thành viên thị trường mở
 - ▶ Thủ tục đăng ký đơn giản
 - ▶ Điều kiện “đủ” để tham gia: phải nắm giữ nhiều GTCG
 - ▶ Phương thức giao dịch: qua mạng
 - ▶ Phương thức đấu thầu
 - ▶ Lãi suất
 - ▶ Số lượng

Ngân hàng Nhà nước

Tổ chức tín dụng

Phiên đấu giá	Loại giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng trúng thầu (tỷ VND)	Lãi suất trúng thầu (%)
25-Jul-11	Reverse Repo	7		14
25-Jul-11	Reverse Repo	7	1,000	14
26-Jul-11	Reverse Repo	7		14
26-Jul-11	Reverse Repo	7	1,000	14
27-Jul-11	Reverse Repo	7		14
27-Jul-11	Reverse Repo	7	1,000	14
28-Jul-11	Reverse Repo	7		14
28-Jul-11	Reverse Repo	7	1,000	14
29-Jul-11	Reverse Repo	7		14
29-Jul-11	Reverse Repo	7	1,000	14

Source: Reuters

Ngân hàng Nhà nước

Tổ chức tín dụng

- ▶ Thị trường mở: 2 nghiệp vụ chính
 - ▶ Mua?bán GTCG với NHTM (Reserve Repos)
 - ▶ Tín phiếu kho bạc
 - ▶ Tín phiếu NHNN
 - ▶ Trái phiếu chính phủ
 - ▶ Trái phiếu công trình trung ương
 - ▶ Công trái
 - ▶ Trái phiếu NH Phát triển
 - ▶ Trái phiếu chính quyền địa phương]ng di UBND thành phố Hà nội và TPHCM phát hành
 - ▶ Bán Tín phiếu NHNN (Sell Outright)

Ngân hàng Nhà nước

Tổ chức tín dụng

- ▶ Mục đích tham gia thị trường mở
 - ▶ NHNN
 - ▶ Thực hiện việc điều hành chính sách tiền tệ
 - ▶ Hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng
 - ▶ Tác động mùa vụ: cuối năm tài chính, tết Nguyên đán
 - ▶ Sự kiện bất lợi
 - ▶ Khác
 - ▶ TCTD
 - ▶ Thanh khoản
 - ▶ Kinh doanh vốn nhằm hưởng chênh lệch lãi suất
 - ▶ Điều hành thị trường của NHNN
 - ▶ Trước 2012: phần nhiều là Cung tiền (Reserve Repos)
 - ▶ Sau 2012 đến nay: xu hướng chính là Rút tiền (Sell Outright)
 - ▶ Nguyên nhân

Ngân hàng Nhà nước

Tổ chức tín dụng

Năm 2012 - ĐVT: tỷ đồng

	Tenor	Accepted value	Accepted Bid	Maturity Value	Netting
Reserse Repo	7 days	233,072	14.0% - 7.0%	-213,616	19,456
	14 days	87,580	13.0% - 14.0%	-141,934	-54,354
	21 days	131,219	14.00%	-131,219	0
Sell Outright	28 days	-51,314	3.48% - 11.5%	46,922	-4,392
	56 days	-26,793	5.8% - 6.2%	3,050	-23,743
	91 days	-64,909	5.7% - 12.0%	34,386	-30,523
	182 days	-30,838	5.0% - 5.2%	30,838	0
TOTAL					-93,556

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Reuters

Ngân hàng Nhà nước

Tổ chức tín dụng

Năm 2013 - ĐVT: tỷ đồng

	Tenor	Accepted value	Accepted Bid	Maturity Value	Netting
Reserse Repo	7 days	179,475	5.5% - 7.0%	-194,013	-14,538
Sell Outright	28 days	-81,080	1.77% - 5.0%	60,453	-20,627
	56 days	-5,762	2.73% - 6.2%	27,925	22,163
	91 days	-100,761	4.2% - 6.5%	122,970	22,209
	154 days	-6,994	5.0% - 5.2%	0	-6,994
TOTAL					2,213

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Reuters

Ngân hàng Nhà nước

Tổ chức tín dụng

Năm 2014 - ĐVT: tỷ đồng

	Tenor	Accepted value	Accepted Bid	Maturity Value	Netting
Reserse Repo	7 days	83,361	5% - 5.5%	-95,152	-11,791
Sell Outright	28 days	-170,781	2.7% - 3.85%	187,454	16,673
	56 days	-15,919	3.0% - 3.2%	1,580	-14,339
	91 days	-274,704	3.5% - 4.2%	116,052	-158,652
	153 days	0	N/a	6,994	6,994
TOTAL					-161,115

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Reuters

Phần II: Quá trình phát triển của thị trường tiền tệ từ 2008 đến nay

- ▶ Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển của thị trường
 - ▶ Gia nhập WTO, hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu và khu vực với nhiều cam kết có lộ trình
 - ▶ Khủng hoảng thị trường tài chính Hoa Kỳ 2007 2009
 - ▶ Trục trặc kinh tế Việt Nam 2008
 - ▶ Tái cấu trúc nền kinh tế, trong đó có ngành NH
 - ▶ Nợ xấu, thanh khoản của ngành ngân hàng VN

Thị trường tiền tệ từ 2008 đến nay

- ▶ Các quy định mới của ngành quan trọng của ngành NH
 - ▶ Luật TCTD và Luật NHNN 2010
 - ▶ Thông tư 13 rồi Thông tư 36
 - ▶ Thông tư 780, Thông tư 02, Thông tư 09
 - ▶ Thành lập VAMC
 - ▶ Hội nhập quốc tế: tiệm cận dần trong các quy định về đủ vốn theo Basel 2, Basel 3

Thị trường tiền tệ từ 2008 đến nay

► Vai trò của NHNN

- Thể hiện rõ hơn chức năng LOLR - Người cho vay cuối cùng?
- Lãi suất định hướng của NHNN đã gần đủ về “chất”: định hướng và theo sát thị trường. Tuy nhiên:
 - Điều hành của NHNN đã thực sự theo cơ chế thị trường?
 - Lãi suất giao dịch trên thị trường liên ngân hàng có luôn phản ánh giá giao dịch thị trường?
 - Lãi suất huy động của các TCTD có tuân thủ quy định trần lãi suất?
 - Khác
- Can thiệp điều hành chính sách tiền tệ đã dần dần đủ về “lượng”
 - Lượng tiền cung hoặc rút qua thị trường mở
 - Lượng ngoại tệ bán ra để can thiệp vào thị trường ngoại hối

► Công cụ điều hành thị trường tiền tệ

- Các công cụ của thị trường tiền tệ còn chưa đa dạng. Chủ yếu vẫn là các giao dịch cấp vốn, tái chiết khấu: ...

Thị trường tiền tệ từ 2008 đến nay

- ▶ Công cụ điều hành thị trường tiền tệ của Cơ quan quản lý - NHNN
 - ▶ Điều hành chính sách tiền tệ vẫn sử dụng công cụ trực tiếp, hành chính:
 - ▶ Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng
 - ▶ Trần lãi suất huy động
 - ▶ Khác
 - ▶ Công cụ gián tiếp đã phát triển mạnh giai đoạn gần đây nhưng vẫn chưa thực sự làm tăng sự “phụ thuộc” vào NHNN của TCTD.
 - ▶ DTBB và Tín phiếu NHNN bắt buộc ?
 - ▶ Các giao dịch tái cấp vốn: nhiều thời điểm hầu như không được các ngân hàng sử dụng.

Thị trường tiền tệ từ 2008 đến nay

► Ứng xử của các TCTD

- Trừ một số ngoại lệ, các NHTM đều đáp ứng quy định về vốn pháp định.
- Sau các đợt khó khăn về thanh khoản của thị trường 2008 và Q4 2011 và Q1 2012, NHTM đều đã tăng cường quản trị rủi ro, trong đó có rủi ro thanh khoản
- Phân bổ tài sản hợp lý hơn: gia tăng tỷ trọng tài sản phi rủi ro (TPCP)
- Quy định của Thông tư 36 Theo xu hướng chung của tiêu chuẩn đủ vốn quốc tế, quản trị rủi ro thanh khoản theo Basel II thể hiện ở quy định của Thông tư 36:
 - Gia tăng mua trái phiếu chính phủ
 - Hạn chế chia cổ tức tiền mặt (do yêu cầu của NHNN)
 - Khác
- Các TCTD tiếp tục che giấu nợ xấu

Thị trường tiền tệ từ 2008 đến nay

- ▶ Hoạt động thị trường mở (OMO) trở nên sôi động. OMO trở thành kênh quan trọng truyền dẫn tác động của chính sách tiền tệ.
- ▶ Nhưng:
- ▶ Xuất hiện các giao dịch thị trường tiền tệ đóng vai trò chỉ là một phần của các giao dịch phức tạp ẩn đằng sau
 - ▶ Cho vay công ty con kinh doanh chứng khoán của NH?
 - ▶ Bất tường qua LNH nhằm cho vay theo quan hệ?

Thị trường tiền tệ từ 2008 đến nay

- ▶ Thị trường vốn vẫn kém phát triển: đến nay TCTD vẫn đảm đương vai trò quan trọng nhất trong việc cung cấp vốn cho nền kinh tế.
- ▶ Tập quán thị trường về kỳ hạn gửi tiền, thanh toán....
- ▶ Hoạt động tín dụng chưa theo kịp chuẩn mực quốc tế: trả nợ vay trước hạn,.....
- ▶ Khung pháp lý chưa hoàn chỉnh, đồng bộ
- ▶ Chưa hình thành benchmark về lãi suất chuẩn cho thị trường, đường cong lãi suất (yield curve) đã được xây dựng nhưng chưa phản ánh chính xác lãi suất thị trường.
 - ▶ Liên kết giữa các TCTD không tốt.
 - ▶ Tính thời vụ của thị trường tiền tệ Việt Nam khá cao (tết Dương lịch, Âm lịch, nộp thuế...)
 - ▶ Khác.

Thị trường tiền tệ từ 2008 đến nay

- ▶ Chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ nhiều thời điểm phối hợp chưa tốt
- ▶ Lãi suất cơ bản được ấn định trên cơ sở nào?
- ▶ Vai trò của người tạo lập thị trường không có hoặc mờ nhạt (người tạo lập thị trường cần được sự hỗ trợ mạnh của NHNN)
- ▶ Chất lượng công bố thông tin: đã được cải thiện do yêu cầu của Luật các TCTD và Thông tư 52 của Bộ Tài chính, nhưng tính minh bạch của các tổ chức tham gia thị trường chưa tốt:
 - ▶ Chất lượng báo cáo tài chính
 - ▶ Tuân thủ công bố thông tin
 - ▶ Chế tài xử phạt chưa đủ hiệu lực

Nguyên nhân

- ▶ Chưa có các công ty xếp hạng tín nhiệm (S&P, Moody, Fitch...)
 - ▶ Khó xếp hạng tín nhiệm, đánh giá rủi ro đối tác
 - ▶ Không xếp hạng được GTCG: khó định giá trong giao dịch
- ▶ Không có cơ sở để phát triển thị trường thương phiếu (commercial paper)
 - ▶ Là công cụ quan trọng của thị trường tiền tệ ở các nền kinh tế lớn, đặc biệt là Hoa Kỳ
 - ▶ Là đầu mối tạo nên sự liên thông với thị trường vốn.

Phụ lục 1 – Bảng cân đối kế toán của NHTM

- ▶ Tiền mặt
 - ▶ Tồn quỹ
 - ▶ Tại NHNN: Dự trữ bắt buộc, Đảm bảo thanh toán
- ▶ Cho vay, gửi liên ngân hàng
 - ▶ NHNN: mua tín phiếu NHNN
 - ▶ NHTM
- ▶ Chứng khoán đầu tư
 - ▶ TPCP, tín phiếu kho bạc
 - ▶ TP công ty
 - ▶ Cổ phiếu, các khoản đầu tư góp vốn
- ▶ Các khoản cho vay
 - ▶ Ngắn hạn: Theo món; Theo hạn mức tín dụng
 - ▶ Trung dài hạn (giải ngân theo tiến độ)
- ▶ Tài sản có khác (khoản phải thu, ủy thác đầu tư)
- ▶ Tài sản cố định
- ▶ Tiền gửi
 - ▶ Dân cư
 - ▶ Tô chức: ngắn hạn; trung dài hạn
- ▶ Vay, nhận tiền gửi liên ngân hàng
 - ▶ NHNN: Giao dịch OMO
 - ▶ NHTM
- ▶ Phát hành giấy tờ có giá: ngắn hạn; trung dài hạn
- ▶ Vốn chủ sở hữu
 - ▶ Vốn điều lệ
 - ▶ Lợi nhuận giữ lại
 - ▶ Các quỹ

Phụ lục 2 – Thanh khoản của NHTM

- ▶ Khái niệm chung về: Thanh khoản
 - ▶ Đáp ứng nghĩa vụ thanh toán đúng hạn
 - ▶ Huy động vốn với giá cả hợp lý
- ▶ Thanh khoản của NHTM – Cách tiếp cận đơn giản
 - ▶ DTBB
 - ▶ Đáp ứng yêu cầu rút tiền của người gửi tiền
 - ▶ Giải ngân các hợp đồng tín dụng đã ký kết
 - ▶ Hạn mức tín dụng cam kết: ngắn hạn; trung dài hạn
 - ▶ Hạn mức còn được sử dụng
- ▶ Chỉ số thanh khoản theo các quy định đảm bảo an toàn hoạt động của TCTD (Thông tư: 13, 15, 36, 36 sửa đổi và văn bản khác của NHNN)

Phụ lục 2 – Thanh khoản của NHTM

- ▶ Dấu hiệu thiếu thanh khoản của NHTM
 - ▶ Về tổng thể: LDR = Tỷ trọng phân bổ tài sản: TPCP, TPDN, Cho vay
 - ▶ Các hạn mức tín dụng cam kết được cấp
 - ▶ Đi vay trên liên ngân hàng với lãi suất và điều kiện vay/nhận tiền gửi khó khăn hơn
 - ▶ Giải ngân khó khăn
- ▶ So sánh sự phát triển của Quy định về LDR của NHNN: từ Thông tư 13 đến Thông tư 36, 36 sửa đổi

Phụ lục 2 – Thanh khoản của NHTM

- ▶ NHTM làm gì khi thiếu thanh khoản
 - ▶ Gia tăng huy động: khuyến mại để thu hút tiền gửi mới
 - ▶ Giữ tiền gửi hiện tại: thuyết phục khách hàng không rút tiền gửi trước hạn – tái tục tiền gửi đến hạn
 - ▶ Dừng cấp tín dụng mới
 - ▶ Đàm phán nhằm dừng, lùi thời hạn giải ngân các hợp đồng tín dụng đã ký kết, các hạn mức tín dụng còn hạn mức.
 - ▶ Vay liên ngân hàng
 - ▶ Vay NHNN
 - ▶ Bán các tài sản thanh khoản, giữ trạng thái ngoại tệ âm

Phụ lục 3 – Trạng thái ngoại tệ của NHTM

- ▶ Trạng thái nguyên tệ của một ngoại tệ là chênh lệch giữa tổng tài sản Có và tổng tài sản Nợ bằng ngoại tệ này, bao gồm cả các khoản mua bán ngoại tệ bằng tương ứng.
- ▶ Các trạng thái ngoại tệ: dương – long position, âm – short position, cân bằng – square position.
- ▶ Trạng thái ngoại tệ cuối ngày được tính trên cơ sở trạng thái ngoại tệ ngày hôm trước và chênh lệch giữa doanh số mua, doanh số bán phát sinh trong ngày của ngoại tệ đó, bao gồm cả giao dịch giao ngày và kỳ hạn
(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước)

Phụ lục 3 – Trạng thái ngoại tệ của NHTM

- ▶ Các giao dịch ảnh hưởng đến trạng thái ngoại tệ
 - ▶ Rút tiền, gửi tiền
 - ▶ Vay tiền ngân hàng, chuyển tiền
 - ▶ Chỉ có giao dịch mua/bán ngoại tệ mới tạo ra trạng thái ngoại tệ
 - ▶ Trạng thái – Ngoại tệ mua – Ngoại tệ bán
 - ▶ Mua bán 1 ngoại tệ - Bán ra 1 ngoại tệ khác.
 - ▶ Vì vậy, làm tăng tài sản bằng ngoại tệ này, đồng thời làm giảm tài sản bằng ngoại tệ khác.

Phụ lục 4 – Trần lãi suất huy động (VND)

Ngày	< 1M	1-6M	> 6M
3/3/2011	14.0%	14.0%	14.0%
9/28/2011	6.0%	14.0%	14.0%
3/12/2012	5.0%	13.0%	13.0%
4/10/2012	4.0%	12.0%	12.0%
5/25/2012	3.0%	11.0%	11.0%
6/8/2012	2.0%	9.0%	9.0%
12/21/2012	2.0%	8.0%	8.0%
3/25/2013	2.0%	7.5%	7.5%
6/27/2013	1.2%	7.0%	neg
3/17/2014	1.0%	6.0%	Neg

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Phụ lục 4 – Trần lãi suất huy động (USD)

Ngày	Cá nhân			Tổ chức kinh tế		
	< 1M	1-6M	> 6M	< 1M	1-6M	> 6M
4/9/2011	3.0%	3.0%	3.0%	1.0%	1.0%	1.0%
6/1/2012	2.0%	2.0%	2.0%	0.5%	1.0%	1.0%
6/27/2013	0.25%	1.25%	1.25%	0.25%	0.25%	0.25%
3/17/2014	0.25%	1.0%	1.0%	0.25%	0.25%	0.25%

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước